



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HẠNH

Trường Đại học Vinh

Email: nguyenvanhankv@gmail.com

Tóm tắt: Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đã trở thành một đòi hỏi cấp bách của thực tiễn, được xã hội đồng tình, hưởng ứng. Song đổi mới như thế nào? Nguyên tắc cơ bản để đổi mới là gì? Đổi mới những gì?... Từ cách nhìn đó, bài viết phân tích, lý giải một số vấn đề như: Mục tiêu dạy, học văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông; thực trạng của việc dạy học văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông và nguyên nhân của nó. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng dạy, học văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông, như: Cấu trúc chương trình, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Từ khóa: Văn học nước ngoài; trường trung học phổ thông; đổi mới giáo dục; Việt Nam.

(Nhận bài ngày 20/02/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 24/3/2017; Duyệt đăng ngày 25/4/2017).

1. Đặt vấn đề

Ở nước ta, mục tiêu giáo dục phổ thông đã được xác định rõ trong Luật Giáo dục (2005). Đó là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với mục tiêu đó, môn Văn trong nhà trường, trong đó có văn học nước ngoài, có một vị trí đặc biệt quan trọng, góp phần trang bị cho học sinh (HS) một tư duy năng động, sáng tạo, có khả năng liên kết và giải quyết vấn đề, đề xuất các ý tưởng độc đáo, giao tiếp và làm việc trong môi trường rộng lớn, đa quốc gia.

Từ rất sớm, trong chương trình trung học ban hành lần đầu tiên (1956), áp dụng cho hệ thống giáo dục ở miền Bắc, văn học nước ngoài được đưa vào với tư cách là một phân môn bắt buộc. Điều này là hết sức cần thiết. Việc được tiếp xúc với nhiều nền văn hoá, tích lũy được tri thức mới lạ sẽ giúp HS tự tin hơn khi tiếp xúc, giao lưu, gia nhập vào một không gian sống mang tính toàn cầu trong tương lai. Các tác phẩm như sử thi *Ramayana* của Valmiky, thơ của Đỗ Phủ, M. Basho, kịch của W. Shakespeare, tiểu thuyết của V. Hugo, H. Balzac, E. Hemingway, truyện ngắn của M. Sholokhov... không chỉ mang lại cho các em những rung cảm thẩm mỹ trước những áng thơ, văn bất hủ mà còn trang bị cho các em những tri thức văn hoá về đất nước Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Pháp, Mĩ, Nga... Tầm hiểu biết, sự tự tin, tính năng động của các em, vì vậy cũng sẽ được tăng lên. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề về lý luận văn học, mỹ học sẽ được nhận thức, bổ sung thông qua những tác giả, tác phẩm đặc sắc của văn chương nhân loại. Đây có thể xem là một thế mạnh, một khả năng riêng của văn học nước ngoài, chỉ có ở văn học nước ngoài. Mặt khác, việc

được học các hiện tượng văn học nước ngoài bên cạnh văn học Việt Nam sẽ giúp các em nhận thức được những tương đồng, khác biệt giữa văn học Việt Nam và văn học thế giới. Từ đó, các em có thêm lòng tự tôn dân tộc, tự tin hơn khi bước vào giao lưu hội nhập với bạn bè trên thế giới. Trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa ngày nay, tính biệt lập, khép kín của các nền văn hóa, văn học đã bị phá vỡ. Thay vào đó là tiếp xúc, hội nhập. Trong bối cảnh đó, văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông (THPT) góp phần không nhỏ trong việc tạo dựng tâm thế, tri thức cho những công dân toàn cầu trong tương lai. Tuy nhiên, có một thực tế là hiện nay ở trường THPT, văn học nước ngoài đang mất dần vị thế, ít nhận được sự quan tâm của người dạy, người học.

2. Thực trạng dạy học văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông

Kể từ ngày đất nước bước vào thời kì đổi mới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, văn hoá xã hội, nhiều chuẩn mực giá trị đã thay đổi. Con người sống mạnh mẽ, năng động và cũng gấp gáp, thực dụng hơn. Lối sống coi trọng giá trị vật chất, xem nhẹ đời sống tinh thần vốn xa lạ với truyền thống phương Đông, giờ đây có nguy cơ lan rộng, phổ biến trong xã hội, nhất là giới trẻ HS, sinh viên. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật tạo ra những thay đổi nhanh chóng, đáp ứng nhiều nhu cầu trước mắt cho con người. Trong bối cảnh đó, khoa học xã hội nhân văn không được coi trọng trong đời sống xã hội. Hậu quả của nó là môn Ngữ văn trong nhà trường ngày càng mất dần vị thế. Số lượng HS say mê học văn ngày một giảm, mặc dù tình yêu văn chương, khả năng văn chương ở các em là rất lớn. Áp lực công việc, lối sống thực dụng, tâm lý đám đông đã lấn lướt niềm hứng thú văn chương. Thực trạng này với văn học nước ngoài còn tồi tệ hơn, mặc dù vẫn còn đó nhiều em HS yêu thích văn học nước ngoài, nhận ra sự

sâu sắc, mới lạ của văn học nước ngoài. Với văn học Việt Nam, dù không muốn, các em cũng phải học, cho dù chỉ là đối phó. Học để làm bài kiểm tra, để vượt qua các kì thi. Văn học nước ngoài không có được cái “may mắn” đó. HS không cần học văn học nước ngoài vẫn có thể ra trường, vào đại học. Sự xem nhẹ môn Ngữ văn, không quan tâm đến văn học nước ngoài có nguyên nhân ở đó. Không thi, không học phổ biến trong tuyệt đại bộ phận HS THPT hiện nay. Bên cạnh đó, sự giảm sút tình cảm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm của giáo viên (GV) cũng là một nguyên nhân không nhỏ dẫn tới tình trạng dạy, học văn như hiện nay. Những GV say nghề, tâm huyết với nghề dạy văn dường như càng ngày càng hiếm. Đó là một thực trạng đáng báo động cho nền giáo dục và xa hơn là cho xã hội. Quay lưng với văn học là quay lưng với các giá trị làm người.

So với văn học Việt Nam, việc dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông có những thuận lợi, khó khăn riêng. Các tác phẩm được chọn học đều là những tác phẩm đỉnh cao của văn chương nhân loại. Ở đó hội tụ nhiều tri thức văn hóa, văn học được chuyển tải trong những hình thức nghệ thuật mới, lạ, độc đáo. Không có tham vọng khai thác hết các tầng ý nghĩa của tác phẩm, song chỉ cần những định hướng, gợi mở của GV, HS đã được tiếp xúc với những tinh hoa văn học thế giới, mà rất nhiều giá trị đặc sắc của nó không thể tìm được ở bất cứ nơi nào. Sự tinh tế, trữ tình trong thơ Đường, sự thâm trầm đậm màu thiên trong thơ M. Basho; những phân tích tâm lí tinh tế, sắc sảo, đa chiều trong kịch W. Shakespeare, tiểu thuyết V. Hugo, H. Balzac, H. Hemingway, truyện ngắn M. Sholokhov... có khả năng mang lại cho các em những rung động thẩm mĩ tinh tế, những nhận thức sâu sắc về con người, cuộc sống. Rất nhiều vấn đề, nhiều ý nghĩa không thể tìm thấy trong văn học Việt Nam. Đó vừa là ưu thế vừa là thách thức đối với người dạy, người học. Để hướng dẫn HS đọc hiểu được những tác phẩm như vậy, GV phải được trang bị một vốn tri thức về lịch sử, văn hoá, văn học phong phú, đa dạng. Làm sao GV có thể lí giải được cho HS một cách thấu đáo cơn ghen và cách hành xử của nhân vật Rama trong đoạn trích *Rama buộc tội* (Ngữ văn 10) nếu không hiểu quan niệm về người anh hùng trong thời đại sử thi? Và cũng như vậy, làm sao thấy, cô giáo có thể giúp HS đọc hiểu thơ Haiku của M. Basho khi chưa có vốn tri thức về văn hoá Nhật Bản truyền thống? Đây là yêu cầu mà không phải GV nào cũng đáp ứng được. Làm thế nào để chiếm lĩnh được những thế giới nghệ thuật đặc sắc, đa dạng ấy? Và làm sao để chuyển tải được những giá trị tư tưởng - nghệ thuật đặc sắc ấy đến được các em? Hiểu được đã khó, hướng dẫn các em khám phá được càng khó hơn. Đó thực sự là những thách thức không dễ vượt qua đối với GV THPT. Trong khi đó, công tác đào tạo bồi dưỡng GV văn THPT còn nhiều bất cập.

Đội ngũ GV đang trực tiếp giảng dạy môn Ngữ văn ở trường THPT hiện nay có nhiều thế hệ. Có những GV đã đứng lớp gần 30 năm, bên cạnh đó là những GV

tuổi đời và tuổi nghề còn rất trẻ. Họ lại được đào tạo từ nhiều nguồn, ở nhiều trường khác nhau. Có những người được học ở những trường có bề dày truyền thống trong việc đào tạo GV văn học như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Huế... Song cũng có không ít GV được đào tạo ở những trường mà ngành Sư phạm Văn chưa có nhiều thành tựu, đội ngũ giảng viên văn học nước ngoài còn mỏng. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo của các trường đại học cũng rất khác nhau. Một thực tế là trong nhiều năm liền, có những trường đại học sư phạm chưa theo kịp sự thay đổi của chương trình THPT. Nhiều nội dung có trong chương trình phổ thông nhưng chưa được quan tâm nhiều trong chương trình đại học. Văn học Nhật, là một ví dụ. Những kiến thức về M. Basho và thơ Haiku, bao quát hơn là về văn hoá, văn học Nhật rất nhiều GV phổ thông chưa được trang bị. Tình hình này cũng diễn ra với một số tác giả, tác phẩm văn học Mĩ, văn học Ấn Độ. Trước năm 1990, phần văn học Ấn Độ (mà trọng tâm là sử thi *Ramayana* và thơ R. Tagore) chỉ được giảng dạy ở một số trường đại học sư phạm. Vì vậy, có một thực tế khá phổ biến hiện nay là rất nhiều GV phải dạy những điều mình chưa được học, thậm chí là chưa từng biết. Họ chỉ còn biết dựa vào hướng dẫn giảng dạy và chừng nào đó là một ít tài liệu tham khảo. Trong khi đó, công tác bồi dưỡng GV còn nhiều bất cập. Sự thiếu hụt những tri thức cơ bản về văn hóa văn học nước ngoài, thêm vào đó là sự sụt giảm tình cảm nghề nghiệp ở GV đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy, học văn học nước ngoài ở các trường THPT. Đó vừa là hệ quả lại vừa là tác nhân dẫn tới việc văn học nước ngoài trong nhà trường ngày càng mất dần vị thế như hiện nay.

3. Một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông

3.1. Cấu trúc lại chương trình môn Ngữ văn

Những phân tích trên đây cho thấy, việc dạy học văn học nước ngoài ở trường THPT hiện nay đang bộc lộ nhiều bất cập, cần phải thay đổi. Tuy nhiên, đây là điều không dễ, thậm chí là bất khả thi nếu chỉ có sự nỗ lực của riêng ngành Giáo dục. Từ cách nhìn đó, trước mắt theo chúng tôi, có ba vấn đề cần được quan tâm, thay đổi. Đó là: Cấu trúc chương trình, bồi dưỡng GV, kiểm tra đánh giá.

Nhìn lại chương trình môn Ngữ văn ở THPT trong mấy chục năm qua, không khó để nhận ra nhiều đổi thay, biến động. Trong đó có những thay đổi thuộc về quan điểm giáo dục, cấu trúc chương trình, có thay đổi thuộc về lựa chọn tác giả, tác phẩm. Trong chương trình hiện hành, dù là chương trình chuẩn hay chương trình nâng cao, đều gồm năm bộ phận hợp thành: Văn học Việt Nam, tiếng Việt, làm văn, văn học nước ngoài, lí luận văn học. Trong đó, số tiết văn học nước ngoài chiếm một tỉ lệ không lớn, ít hơn rất nhiều so với văn học Việt Nam. Điều này là hợp lí. Song khi đặt trong tương quan với



hai phần tiếng Việt và làm văn thì dường như ở đây có vấn đề cần phải được trao đổi thêm. Nhất là khi nguyên lí tích hợp đã được xem là nguyên lí căn bản để thiết kế chương trình, định hướng giảng dạy, kiểm tra đánh giá. Từ chương trình đầu tiên (1956) qua chỉnh lí (1979), hợp nhất, phân ban (1979 - 2000), chương trình chuẩn, nâng cao (2001 - nay) đã có nhiều thay đổi. Các hiện tượng văn học được chọn học bao quát trên một diện rộng, có chiều sâu, gồm nhiều tác giả tác phẩm tiêu biểu của các nước ở các châu lục, ở mọi thời đại. Đến nay, văn học Đông Nam Á, một khu vực văn học có bề dày truyền thống với nhiều thành tựu đặc sắc, còn chưa có mặt trong chương trình. Trong khi đó, từ thập niên 80 đến nay, Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào Đông Nam Á, khẳng định được vị trí của mình ở khu vực. Quá trình này đã được nhận thức là tất yếu trong xu thế hội nhập và phát triển đất nước. Việc trang bị cho các em HS THPT những tri thức về văn hóa, văn học Đông Nam Á, vì vậy là rất cần thiết. Ý tưởng về một chương trình phổ thông linh hoạt đã được nhiều người nói đến, trong đó có môn Ngữ văn. Tuy nhiên, dù có linh hoạt, “mở” đến đâu thì đều phải dựa trên một nguyên tắc cấu trúc cơ bản là phù hợp với mục tiêu giáo dục đã được luật định. Với cách nhìn ấy, chương trình môn Ngữ văn, trong đó có văn học nước ngoài, cần giảm bớt những tri thức mang tính hàn lâm. Điều này vừa đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông vừa phù hợp với tâm lí, khả năng tiếp nhận của HS THPT.

3.2. Cần một chiến lược bồi dưỡng giáo viên dạy học môn Ngữ văn

Để nâng cao chất lượng dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông, việc bồi dưỡng, đào tạo lại GV là hết sức cần thiết. Nhận rõ điều này, nhiều năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức những đợt tập huấn, chuyên đề nhằm bồi dưỡng và bổ túc kiến thức và phương pháp giảng dạy cho GV. Tuy nhiên, trên thực tế hiệu quả chưa cao, còn rơi vào hình thức. Để có được kết quả, cần xem đây là một hoạt động thường xuyên, bắt buộc hàng năm đối với GV. Bên cạnh đó, chương trình, nội dung bồi dưỡng phải có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Ưu tiên trước hết là những tác giả mới, khó trong chương trình văn học nước ngoài. Sau mỗi đợt bồi dưỡng phải có kiểm tra đánh giá cụ thể bằng những bài thi. Nếu GV nào không đạt yêu cầu thì bắt buộc phải bồi dưỡng lại. Để hỗ trợ cho GV hoàn thành nội dung bổ túc, bồi dưỡng kiến thức, nên có sự hỗ trợ về kinh phí và có chế tài bắt buộc, xem đó là nhiệm vụ hàng năm của GV. Một trong những vấn đề cốt lõi làm nên chất lượng cho những đợt bồi dưỡng chuyên môn văn học nước ngoài là đội ngũ GV làm công tác bồi dưỡng. Những đợt bồi dưỡng thay sách, chuyên đề thường niên do chuyên viên sở hoặc GV các trường (thường là tổ trưởng văn) tiếp thu ở bộ về bồi dưỡng lại cho đồng nghiệp. Cách làm này có ưu điểm là nhanh, đỡ tốn kém, tiết kiệm được thời gian, song kết quả không cao vì sự dễ dãi và cả sự bất cập về chuyên môn của những người lên lớp. Vì lẽ đó, thay vì cử chuyên viên của sở, GV THPT, Bộ Giáo dục và

Đào tạo nên yêu cầu các trường đại học có đội ngũ giảng viên chuyên ngành văn học nước ngoài có trình độ cao, có kinh nghiệm sư phạm trực tiếp lên lớp, bồi dưỡng bổ túc kiến thức cho GV, trước hết là những phần mới, khó trong chương trình. Đây không chỉ là bổ túc, bồi dưỡng kiến thức mà là đào tạo lại hàng năm theo một kế hoạch tổng thể, mang tính chiến lược. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có được một đội ngũ GV THPT đủ sức đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nhất là ở một phân môn đòi hỏi một vốn kiến thức phong phú, đa dạng với tầm bao quát rộng như văn học nước ngoài.

3.3. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn

Ở trên, chúng tôi đã nói tới thực trạng về lối sống thực dụng có xu hướng ngày càng trầm trọng. Không học, không thi; thậm chí với GV không thi, không dạy; hoặc có dạy cũng chỉ là đối phó. Văn học nước ngoài đang phải hứng chịu lối ứng xử ấy. Nhìn lại cấu trúc chương trình môn Ngữ văn ở THPT, một thực tế là hầu hết các bài học văn học nước ngoài đều được bố trí vào cuối mỗi học kì, khi mà việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học của các em về cơ bản đã hoàn tất. Điều đó cũng có nghĩa là, phần văn học nước ngoài mặc nhiên đã bị loại ra khỏi nội dung kiểm tra đánh giá. Thêm vào đó, trong 24 bài làm văn (bao gồm cả trên lớp và ở nhà) không có một quy định bắt buộc nào dành riêng cho văn học nước ngoài. Vì lẽ đó, tâm lí ngại khó, dễ dãi của GV đã dẫn tới việc không có một bài tập làm văn nào của HS làm về văn học nước ngoài. Là một phần khó học, khó nhớ, lại không phải kiểm tra, thi cử suốt trong ba năm THPT, HS không học cũng là điều dễ hiểu. Khi HS không học và không ảnh hưởng đến kết quả thi cử, đánh giá cuối cùng của HS, thầy cô sẽ không dạy, hoặc chỉ dạy cho xong. Đây là một thực trạng phổ biến trong các trường THPT hiện nay. Làm thế nào để kéo các em trở lại với phần văn học nước ngoài trong chương trình, tạo hứng thú và áp lực cho GV trong giảng dạy? Lời giải cho bài toán đó nằm ở chủ trương, cách điều hành quản lí chuyên môn từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các trường THPT. Việc sắp xếp lại hợp lí hơn cấu trúc chương trình môn Văn chúng tôi đã đề cập đến ở trên. Ở đây chỉ nói thêm về phần kiểm tra đánh giá. Thiết nghĩ việc cần làm và phải làm, trước hết là trong phần kiểm tra đánh giá thường xuyên nên có quy định bắt buộc phải có nội dung kiểm tra thuộc phần văn học nước ngoài. Thi kiểm tra cuối kì bắt buộc phải có nội dung văn học nước ngoài theo một tỉ lệ tương ứng với các nội dung khác trong chương trình môn học. Điều này là hợp lí. Để đảm bảo tính khách quan và tránh học trò học tủ, GV dạy đối phó, các trường nên xây dựng ngân hàng đề thi cho môn học. Trong đó, các phân môn đều có nội dung kiểm tra đánh giá. Với phần tiếng Việt, nội dung đánh giá là ở khả năng thực hành tiếng Việt (tổ chức văn bản, dùng từ, diễn đạt...) với phần tập làm văn nội dung đánh giá là ở kĩ năng xử lí đề bài, cấu trúc bài viết; với phần lí luận văn học, nội dung đánh giá là khả năng vận dụng kiến

thức lý luận trong phân tích tác phẩm. Theo hướng đó, cấu trúc đề thi sẽ toàn diện, theo đúng tinh thần mọi nội dung học đều được kiểm tra đánh giá. Kiến thức của các em theo đó cũng đầy đủ, toàn diện hơn. Đề thi học kì sẽ được thực hiện theo hình thức tổ hợp nhiều phần, bất thăm ngẫu nhiên. Cách làm này sẽ có tác động tích cực đến ý thức học tập của HS và trách nhiệm giảng dạy của GV, dễ làm, dễ thực hiện. Trong chương trình thi quốc gia ở môn Ngữ văn nên có nội dung thi bắt buộc phần văn học nước ngoài. Điều này là phù hợp với lý luận và thực tiễn, góp phần vào quá trình hội nhập đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

4. Kết luận

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục trở thành một đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cuộc sống, được xã hội đồng tình, hưởng ứng. Song hiện thực hóa quan điểm, chủ trương ấy là điều không dễ. Nó đòi hỏi một sự vào cuộc quyết liệt của cả xã hội, mà trước hết là ngành Giáo dục. Đổi mới dạy học văn ở trường THPT, trong đó

có văn học nước ngoài, phải được nhìn nhận từ quan điểm ấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Nguyên Cẩn (Chủ biên), (2006), *Tác gia tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn Hạnh, (2011), *Giảng dạy văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông - Thực trạng và giải pháp* (Khảo sát trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh), Mã số: B 2010 - 27 - 93.
- [3]. Tạ Đức Hiền, (1998), *Thơ văn nước ngoài trên trang sách phổ thông trung học*, NXB Hải Phòng.
- [4]. Nguyễn Thị Lan, (2010), *Văn học nước ngoài trong nhà trường*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5]. Nhiều tác giả, (2000), *Những chân trời văn chương*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [6]. Phùng Văn Tửu, (2008), *Cảm thụ giảng dạy văn học nước ngoài*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

INTERNATIONAL LITERATURE AT UPPER SECONDARY SCHOOLS IN DEMANDS OF VIETNAM'S EDUCATIONAL RENOVATION

Nguyen Van Hanh
Vinh University

Email: nguyenvanhkhv@gmail.com

Abstract: *Radical and comprehensive renovation of education has been an urgent practical demand supported by the society. But how to renovate? What are basic principles for the renovation? What to be renovated? From the above mentioned view point, the author analyses and deals with such issues as: Purpose of the teaching and learning of international literature at upper secondary schools; current state of the teaching and learning of international literature at upper secondary schools and reasons of that current state. Hence, the author proposes recommendations for renovating and enhancing the quality of the teaching and learning of international literature at upper secondary schools, including: syllabus structure, teacher training and re-training, student outcome testing and assessment.*

Keywords: *International literature; upper secondary school; educational renovation; Việt Nam.*